

Số: 394 /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính được quy định như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính.

a) Quyết định việc mua sắm tài sản tập trung cấp bộ của Bộ Tài chính.

b) Quyết định việc mua sắm tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc Bộ, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước do Bộ trưởng quyết định thành lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ (trừ các Trường thuộc Bộ và trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này) - sau đây gọi là các đơn vị thuộc cơ quan Bộ.

c) Phê duyệt chủ trương mua sắm tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này) thuộc các Tổng cục (Kho bạc nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ nhà nước, Ủy ban Chứng khoán nhà nước), các Trường thuộc Bộ đối với tài sản:

- Trụ sở làm việc;

- Cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Xe ô tô.

d) Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này).

đ) Phê duyệt chủ trương thuê tài sản thuộc các Tổng cục, các Trường thuộc Bộ có mức tiền đề nghị thuê từ 20 tỷ đồng trở lên/01 lần thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này)

e) Quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ.

g) Quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ.

h) Quyết định xử lý tài sản tại các đơn vị thuộc cơ quan Bộ:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);

- Bán tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);

- Thanh lý tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này);

- Tiêu hủy tài sản;

- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

i) Phê duyệt chủ trương xử lý tài sản có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thuộc các Tổng cục, các Trường thuộc Bộ:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);

- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);

- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này);

- Tiêu hủy tài sản;

- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

k) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc Ban quản lý dự án do Bộ trưởng quyết định thành lập.

l) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, thuộc các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thủ trưởng các Tổng cục (Kho bạc nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ nhà nước, Ủy ban Chứng khoán nhà nước) và Thủ trưởng các Trường thuộc Bộ:

a) Quyết định mua sắm tài sản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt đối với tài sản:

- Trụ sở làm việc;
- Cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô.

b) Quyết định hoặc quy định việc mua sắm tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này và trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này) đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Quyết định thuê tài sản thuộc các Tổng cục, các Trường thuộc Bộ có mức tiền đề nghị thuê từ 20 tỷ đồng trở lên/01 lần thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này) theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt.

d) Quyết định hoặc quy định việc thuê tài sản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này và trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này).

đ) Quyết định hoặc quy định việc khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

e) Quyết định xử lý tài sản có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp);
- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);
- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này);
- Tiêu hủy tài sản;
- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

g) Quyết định hoặc quy định việc xử lý tài sản (trừ tài sản nêu tại điểm e khoản này) tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

- Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);
- Điều chuyển tài sản trong phạm vi Tổng cục, trong phạm vi Trường thuộc Bộ;
- Bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);

- Thanh lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này);

- Tiêu hủy tài sản;

- Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản.

h) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc Ban quản lý dự án do Tổng cục và các Trường quyết định thành lập.

i) Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ nhà nước quyết định khai thác kho dự trữ quốc gia thuộc Tổng cục Dự trữ nhà nước theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến của Cục Kế hoạch - Tài chính.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ

a) Quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này);

b) Quyết định bán tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

c) Quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô).

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Bộ, thuộc các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ quyết định:

a) Mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

b) Thuê tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, thuộc các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ quyết định:

a) Bán tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Cục Kế hoạch - Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định các nội dung nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Riêng việc mua sắm tài sản tập trung cấp Bộ của Bộ Tài chính được thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mua sắm tập trung cấp Bộ của Bộ Tài chính.

b) Chủ trì có ý kiến đối với Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập dùng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết trước khi báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp của đơn vị, hệ thống thuộc Bộ quy định tại Quyết định này.

d) Tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các Tổng cục, các Trường thuộc Bộ:

a) Ban hành sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Cục Kế hoạch - Tài chính và Cục Quản lý công sản:

- Quyết định cụ thể danh mục tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm (gồm cả mua sắm tập trung), thuê, khoán kinh phí sử dụng, xử lý tài sản theo quy định tại điểm b, d, đ, g khoản 2 Điều 1 Quyết định này;

- Quy định cụ thể danh mục tài sản giao cấp Cục thuộc Tổng cục, đơn vị thuộc Trường quyết định mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng, xử lý tài sản theo quy định tại điểm b, d, đ, g khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp.

c) Thực hiện mua sắm tài sản phải tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

d) Tổ chức mua sắm tài sản theo quy định tại Điều 31, Điều 52 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan.

đ) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quyết định này.

e) Kịp thời đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp cho phù hợp quy định của pháp luật.

g) Thực hiện hạch toán, thống kê, ghi nhận thông tin, báo cáo, công khai tài sản công theo quy định tại Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

2. Bãi bỏ điểm 1.6 khoản 1 Điều 2, Điều 5, Điều 8 Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính; khoản 4 Điều 1 Quyết định số 2442/QĐ-BTC ngày 19/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 790/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý và quy trình nghiệp vụ quản lý, xử lý tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc thuộc Bộ Tài chính; Quyết định số 181/QĐ-BTC ngày 25/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ báo cáo số liệu tài sản cố định và tình hình biến động tài sản cố định hàng năm thông qua chương trình phần mềm quản lý tài sản trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, dự án trực thuộc Bộ Tài chính.

3. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *KĐ*

- Như điều 3;
- Các đơn vị thuộc BTC;
- Công TTĐT BTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTC. *f*

BỘ TRƯỞNG
Đinh Tiến Dũng
Đinh Tiến Dũng